

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2019

KẾT QUẢ ĐO KIỂM CÁP SỢI ĐỒNG THÔNG TIN

Của đơn vị: Công ty Cổ phần Sản xuất và Phát triển Thương mại Việt Hàn

Địa chỉ: Lô 5 – Cụm công nghiệp xã Tam Thượng – huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội

1. Thông tin về sản phẩm

- Tên cáp: Cáp thông tin mạng LAN CAT6A
- Ký hiệu: **LS - DVH - CCTV CAT6A UTP 23AWG/4PRSx0,58MM CABLE TIA/EIA-568-B2**
- Hãng sản xuất: Công ty Cổ phần Sản xuất và Phát triển Thương mại Việt Hàn
- Nguồn gốc, xuất xứ: Việt Nam

2. Sở cứ đo kiểm

- Tiêu chuẩn: ANSI/TIA/EIA – 568 – C.2, ANSI/TIA/EIA -568-B2
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất

3. Cơ quan đo kiểm

- Trung tâm Đo lường và Ứng dụng Công nghệ - Viện KHKT Bưu điện
- Nhóm đo kiểm:
 - Đặng Quang Dũng
 - Trần Thị Tố Nga

4. Địa điểm đo

Phòng thử nghiệm Quốc gia Tin học – Bưu chính – Viễn Thông VILAS 007, Trung tâm Đo lường và Ứng dụng Công nghệ, Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu Điện. 122 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.

5. Thời gian đo kiểm

Ngày 07 tháng 06 năm 2019

6. Kết quả đo kiểm.

Các kết quả đo kiểm cho trong phần phụ lục.

7. Kết luận.

Cáp sợi đồng thông tin, ký hiệu: LS - DVH - CCTV CAT6A UTP 23AWG/4PRSx0,58MM CABLE TIA/EIA-568-B2 có các chỉ tiêu đo được phù hợp với mục “2.Sở cứ đánh giá” của bản kết quả đo kiểm này.

ĐẠI DIỆN NHÓM ĐO

P.TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Đặng Quang Dũng

Đào Đức Dương

VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT BƯU ĐIỆN
VIỆN TRƯỞNG



Đỗ Trọng Đại

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ ĐO KIỂM
CÁP SỢI ĐỒNG THÔNG TIN

Ký hiệu: LS - DVH - CCTV CAT6A UTP 23AWG/4PRSx0,58MM
CABLE TIA/EIA-568-B2

STT	Thông số	Chỉ tiêu	Kết quả đo, kiểm tra	Đánh giá
1	Điện dây dẫn ở 20°C, Ω/100 m.	≤ 9,38	8,1	Phù hợp
2	Mất cân bằng điện trở giữa hai sợi trong một đôi dây, %	≤ 4	0,2	Phù hợp
3	Độ trễ 1,0 ÷ 100 MHz, ns/100m	≤ 570	480	Phù hợp
4	Điện dung tương hỗ tại 1 kHz ở 20 °C, nF/100 m	≤ 5,6	5,3	Phù hợp
5	Mất cân bằng điện dung giữa hai sợi trong một đôi dây, pF/100m	≤ 330	170	Phù hợp
6	Suy hao truyền dẫn, dB/100m			
	tại 1 MHz.	≤ 2,1	1,78	Phù hợp
	tại 4 MHz.	≤ 3,8	3,6	Phù hợp
	tại 8 MHz.	≤ 5,3	4,9	Phù hợp
	tại 10 MHz.	≤ 5,9	5,3	Phù hợp
	tại 16 MHz.	≤ 7,5	7,1	Phù hợp
	tại 20 MHz.	≤ 8,4	8,2	Phù hợp
	tại 31,25 MHz.	≤ 10,5	10,1	Phù hợp
	tại 62,5 MHz.	≤ 15,0	14,6	Phù hợp
	tại 100 MHz.	≤ 19,1	18,2	Phù hợp
	tại 200 MHz.	≤ 27,6	26,7	Phù hợp
	tại 250 MHz.	≤ 31,1	30,5	Phù hợp
7	Suy hao xuyên âm đầu gần, dB			
	tại 1 MHz.	≥ 74,3	77,8	Phù hợp
	tại 4 MHz.	≥ 65,3	68,6	Phù hợp
	tại 8 MHz.	≥ 60,8	63,9	Phù hợp
	tại 10 MHz.	≥ 59,3	62,3	Phù hợp
	tại 16 MHz.	≥ 56,2	58,7	Phù hợp
	tại 20 MHz.	≥ 54,8	56,2	Phù hợp

VIỆC
 TH
 Đ
 NGHỆ B

	tại 31,25 MHz.	$\geq 51,9$	54,5	Phù hợp
	tại 62,5 MHz.	$\geq 47,4$	51,2	Phù hợp
	tại 100 MHz.	$\geq 44,3$	46,3	Phù hợp
	tại 200 MHz.	$\geq 39,8$	42,7	Phù hợp
	tại 250 MHz.	$\geq 38,3$	41,6	Phù hợp
8	Suy hao tổng công suất xuyên âm đầu gần, dB			
	tại 1 MHz.	$\geq 72,3$	73,6	Phù hợp
	tại 4 MHz.	$\geq 63,3$	65,7	Phù hợp
	tại 8 MHz.	$\geq 58,8$	61,2	Phù hợp
	tại 10 MHz.	$\geq 57,3$	60,3	Phù hợp
	tại 16 MHz.	$\geq 54,2$	56,4	Phù hợp
	tại 20 MHz.	$\geq 52,8$	55,6	Phù hợp
	tại 31,25 MHz.	$\geq 49,9$	52,8	Phù hợp
	tại 62,5 MHz.	$\geq 45,4$	48,6	Phù hợp
	tại 100 MHz.	$\geq 42,3$	44,6	Phù hợp
	tại 200 MHz.	$\geq 37,8$	39,7	Phù hợp
	tại 250 MHz.	$\geq 36,3$	38,1	Phù hợp
9	Suy hao xuyên âm đầu xa, dB			
	tại 1 MHz.	$\geq 67,8$	79,7	Phù hợp
	tại 4 MHz.	$\geq 55,8$	71,3	Phù hợp
	tại 8 MHz.	$\geq 49,7$	68,1	Phù hợp
	tại 10 MHz.	$\geq 47,8$	64,6	Phù hợp
	tại 16 MHz.	$\geq 43,7$	59,4	Phù hợp
	tại 20 MHz.	$\geq 41,8$	58,3	Phù hợp
	tại 31,25 MHz.	$\geq 37,9$	54,1	Phù hợp
	tại 62,5 MHz.	$\geq 31,9$	51,2	Phù hợp
	tại 100 MHz.	$\geq 27,8$	44,3	Phù hợp
	tại 200 MHz.	$\geq 21,8$	40,8	Phù hợp
	tại 250 MHz.	$\geq 19,8$	38,4	Phù hợp
10	Suy hao tổng công suất xuyên âm đầu xa, dB			
	tại 1 MHz.	$\geq 64,8$	76,6	Phù hợp
	tại 4 MHz.	$\geq 52,8$	69,7	Phù hợp
	tại 8 MHz.	$\geq 46,7$	63,8	Phù hợp

	tại 10 MHz.	$\geq 44,8$	61,4	Phù hợp
	tại 16 MHz.	$\geq 40,7$	57,6	Phù hợp
	tại 20 MHz.	$\geq 38,8$	55,8	Phù hợp
	tại 31,25 MHz.	$\geq 34,9$	51,6	Phù hợp
	tại 62,5 MHz.	$\geq 28,9$	45,6	Phù hợp
	tại 100 MHz.	$\geq 24,8$	41,7	Phù hợp
	tại 200 MHz.	$\geq 18,8$	37,1	Phù hợp
	tại 250 MHz.	$\geq 16,8$	33,4	Phù hợp
11	Suy hao phản xạ, dB			
	tại 1 MHz.	$\geq 20,0$	24,7	Phù hợp
	tại 4 MHz.	$\geq 23,0$	26,2	Phù hợp
	tại 8 MHz.	$\geq 24,5$	28,3	Phù hợp
	tại 10 MHz.	$\geq 25,0$	29,4	Phù hợp
	tại 16 MHz.	$\geq 25,0$	29,5	Phù hợp
	tại 20 MHz.	$\geq 25,0$	28,9	Phù hợp
	tại 31,25 MHz.	$\geq 23,6$	26,2	Phù hợp
	tại 62,5 MHz.	$\geq 21,5$	25,5	Phù hợp
	tại 100 MHz.	$\geq 20,1$	23,4	Phù hợp
	tại 200 MHz.	$\geq 18,0$	21,6	Phù hợp
	tại 250 MHz.	$\geq 17,3$	19,7	Phù hợp

